

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 72/2020/DS-PT

Ngày: 14 - 12 - 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2020/TLPT-DS ngày 23/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS - ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 148/2020/QĐXX-PT ngày 20 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V.

Địa chỉ trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tất T - Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng V AMC (Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2018 và số 3569/2019/UQ-VPB ngày 25 tháng 11 năm 2019)

2. Bị đơn: Ông Trần Gia P, sinh năm 1978 và bà Trần Thị H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm 8, xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

3. Người kháng cáo: Ngân hàng V.

Tại phiên tòa: Ông T có mặt; ông P, bà H vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng V cho vợ chồng ông Trần Gia P bà Trần Thị H vay vốn vào mục đích tiêu dùng theo 04 hợp đồng tín dụng với tổng số tiền 978.000.000đ (chín trăm bảy tám triệu đồng), cụ thể như sau:

1. Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 09/12/2016 (tương đương Hợp đồng tín dụng số: LD1636302069 ghi trên hệ thống của Ngân hàng V) với số tiền vay 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) bằng loại hình cho vay tín chấp; lãi suất trong hạn 35%/ năm; mức lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh kỳ 01 tháng/1 lần; ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/4/2017; điều chỉnh cộng (+) biên độ 27%/ năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Thời hạn vay 60 tháng và chia làm 60 kỳ trả nợ, tính từ ngày 28/12/2016 là ngày Ngân hàng V giải ngân toàn bộ số tiền trên vào tài khoản số 114154342 của ông P mở tại Ngân hàng V. Lịch trả nợ vào ngày 28 hàng tháng, phương thức trả nợ niên kim đều, mỗi kỳ trả khoảng 5.400.000đ bao gồm cả gốc và lãi bằng hình thức chuyển khoản, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 28/12/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 28/01/2017 đến ngày 25/3/2019 ông P, bà H đã trả 139.036.650đ (trong đó thanh toán gốc 35.870.421đ; lãi 103.166.229 đ). Do ông P, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ (đóng thiếu số tiền gốc, lãi hàng tháng từ ngày 25/3/2019) nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 28/3/2019. Tạm tính đến ngày 20/11/2019 số ngày quá hạn là 238 ngày; số tiền ông P, bà H còn nợ là 157.722.151đ (trong đó nợ gốc 114.129.579đ; nợ lãi 43.592.572đ).

2. Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 21/12/2016 (tương đương Hợp đồng tín dụng số: LD1635802782 ghi trên hệ thống của Ngân hàng V) với số tiền vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) bằng loại hình cho vay tín chấp; lãi suất trong hạn 20%/ năm; mức lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh kỳ 01 tháng/1 lần; ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/4/2017; điều chỉnh cộng (+) biên độ 12%/ năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Thời hạn vay 48 tháng và chia làm 48 kỳ trả nợ, tính từ ngày 23/12/2016 là ngày Ngân hàng V giải ngân toàn bộ số tiền trên vào tài khoản số 113812637 của ông P mở tại Ngân hàng V. Lịch trả nợ vào ngày 23 hàng tháng, phương thức trả nợ niên

kim đều, mỗi kỳ trả khoảng 3.100.000đ bao gồm cả gốc và lãi bằng hình thức chuyển khoản, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 23/12/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 23/01/2017 đến ngày 19/6/2019 ông P, bà H đã trả 82.951.891đ (trong đó thanh toán gốc 46.453.200đ; lãi 36.498.691đ). Do ông P, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ (đóng thiếu số tiền gốc, lãi hàng tháng từ ngày 25/3/2019) nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 23/4/2019. Tạm tính đến ngày 20/11/2019 số ngày quá hạn là 212 ngày; số tiền ông P, bà H còn nợ là 63.938.502đ (trong đó nợ gốc 53.546.800đ; nợ lãi 10.391.702đ).

3. Hợp đồng tín dụng số 11079828 ngày 23/12/2016 (trương đương với Hợp đồng tín dụng số LD1635900704 ghi trên hệ thống của Ngân hàng V) với số tiền vay 728.000.000đ (bảy trăm hai tám triệu đồng) vào mục đích mua ô tô 08 chỗ ngồi để sử dụng bằng loại hình vay thế chấp tài sản; lãi suất trong hạn 7.8%/năm được cố định trong 12 tháng đầu, kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng, mức lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh kỳ 01 tháng/1 lần; ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 24/12/2018; mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau bậc thang cao nhất của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Thời hạn vay 72 tháng và chia làm 72 kỳ trả nợ, tính từ ngày 24 tháng 12 năm 2016 là ngày Ngân hàng V giải ngân toàn bộ số tiền trên vào tài khoản số 113812637 của ông P mở tại Ngân hàng V. Lịch trả nợ vào ngày 20 hàng tháng bằng hình thức dư nợ giảm dần, mỗi kỳ trả 10.111.111đ gốc kèm với lãi phát sinh bằng chuyển khoản, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 24/12/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 20/01/2017 đến ngày 28/6/2019 ông P, bà H đã trả 404.041.516đ (trong đó thanh toán gốc 272.999.997đ; lãi 131.041.519đ). Do ông P, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ (đóng thiếu số tiền gốc, lãi hàng tháng từ ngày 20/4/2019) nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 20/4/2019. Tạm tính đến ngày 20/11/2019 số ngày quá hạn là 215 ngày; số tiền ông P, bà H còn nợ là 506.932.919đ (trong đó nợ gốc 455.000.003đ; nợ lãi 51.932.916đ).

4. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (trương đương hợp đồng thẻ tín dụng số 324-p-8409475) ngày 07/8/2018 với số tiền vay 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) bằng loại hình vay tín chấp tiêu dùng; lãi suất trong hạn 36%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150%; thời hạn vay 60 tháng. Đây là khoản vay hạn mức thanh toán theo từng kỳ sao kê, theo dữ liệu sao kê kể từ ngày 21/7/2018 cho đến ngày 20/11/2019 là: Dư nợ cuối kỳ 105.526.200đ; nợ phát sinh trong kỳ 1.008.106.185đ; số tiền trả trong kỳ 902.279.985đ; phí quá hạn 2.582.217đ; lãi phát sinh 15.523.971đ; số

tiền quá hạn lũy kế 105.526.200đ.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay là 01 xe ô tô con, nhãn hiệu TOYOTA; số khung RL47ZX69G5G9016806; số máy 2TRA120612; BKS 18A-081.64 thuộc quyền sở hữu của ông P bà H theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 11079828 ngày 23/12/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng ông P bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 01/7/2019 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 20/11/2019 ông P bà H còn nợ gốc 709.369.397đ; nợ lãi 124.023.376đ. Tổng các khoản ông P bà H còn nợ Ngân hàng V là 834.419.773đ (tám trăm ba tư triệu bốn trăm mười chín nghìn bảy trăm bảy ba đồng).

Ngân hàng V đề nghị Toà án giải quyết: Buộc ông P bà H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng tín dụng nêu trên; tiếp tục cho Ngân hàng V tính lãi theo thoả thuận trên số nợ gốc đến ngày ông P, bà H thanh toán hết nợ; Ngân hàng V có quyền tự bán tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án cưỡng chế, kê biên, phát mại các tài sản của Ông P bà H để thu hồi nợ.

* Bị đơn ông Trần Gia P, bà Trần Thị H đã được Toà án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai cũng như không có tài liệu, chứng cứ giao nộp; Toà án cũng không tiến hành hoà giải được.

* Tại phiên toà sơ thẩm, Ngân hàng V xuất trình bảng kê tính lãi và thể hiện quan điểm: Tính đến ngày xét xử vụ án (05/8/2020) thì vợ chồng ông P, bà H còn nợ Ngân hàng V 04 hợp đồng với tổng số tiền là 999.976.292đ. Trong đó tiền gốc 710.396.397đ, tiền lãi 289.579.895đ, cụ thể: Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử (gọi tắt là hợp đồng tín dụng số: LD 1636302069) ngày 09/12/2016 số tiền còn nợ là 225.536.996đ (trong đó nợ gốc 114.129.579đ; nợ lãi 111.407.417đ); Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử (gọi tắt là hợp đồng tín dụng số: LD 1635802782) ngày 21/12/2016 số tiền còn nợ là 75.525.595đ (trong đó nợ gốc 53.546.800đ; nợ lãi 21.978.795đ); Hợp đồng số 11079828 ngày 23/12/2016 (tương đương Hợp đồng tín dụng số LD1635900704) số tiền còn nợ là 560.922.461đ (trong đó nợ gốc 455.000.003đ; nợ lãi 105.922.458đ); Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (tương đương hợp đồng thẻ tín dụng số 324-p-8409475) ngày 07/8/2018 số tiền còn nợ là 137.991.240đ (trong đó nợ gốc 87.720.015đ; nợ lãi 50.271.225đ).

Ngân hàng V xin rút phần yêu cầu đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng tín dụng; các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên, đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc quyết định:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với ông Trần Gia P và bà Trần Thị H.

- Buộc vợ chồng ông Trần Gia P và bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng số 11079828 ngày 23/12/2016, tiền nợ gốc 455.000.003đ, tiền nợ lãi 105.922.458đ. Tổng cộng là 560.922.461đ (Năm trăm sáu mươi triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mốt đồng).

- Buộc ông P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V các khoản nợ tại Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử (hợp đồng tín dụng số LD 1636302069) ngày 09/12/2016; Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử (hợp đồng tín dụng số LD 1635802782) ngày 21/12/2016; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (tương đương hợp đồng thẻ tín dụng số 324-p-8409475) ngày 07/8/2018; Tiền nợ gốc 255.396.394đ, tiền nợ lãi 183.657.437đ. Tổng cộng là 439.053.831đ (Bốn trăm ba mươi chín triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm ba mốt đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 06 tháng 8 năm 2020, ông P bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà vợ chồng ông P, bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Ông P bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về số nợ tại Hợp đồng tín dụng số 11079828 ngày 23/12/2016 là 26.436.898đ (hai sáu triệu bốn trăm ba sáu nghìn tám trăm chín tám đồng).

Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về số nợ tại 03 hợp đồng còn lại là 21.562.153đ (Hai một triệu năm trăm sáu hai nghìn một trăm năm ba đồng).

Hoàn trả lại Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.500.000đ (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2017/0001493 ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

* Tại đơn kháng cáo ngày 14/8/2020 Ngân hàng V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần kháng cáo, chỉ kháng cáo phần liên quan đến việc xử lý tài sản thế chấp. Nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên: Trường hợp ông P và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô con để thu hồi nợ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của của nguyên đơn, áp dụng Khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS - ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Ngân hàng V là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn ông Trần Gia P, bà Trần Thị H đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xử vắng mặt.

[2] Nội dung:

[2.1] Vợ chồng ông Trần Gia P và bà Trần Thị H ký 04 Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V như sau:

Ngày 09/12/2016 ông Trần Gia P ký Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử để vay Ngân hàng V số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) bằng loại hình vay tín chấp;

Ngày 21/12/2016 ông Trần Gia P ký Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử để vay Ngân hàng V số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) bằng loại hình vay tín chấp;

Ngày 23/12/2016 ông Trần Gia P và bà Trần Thị H ký Hợp đồng tín dụng số để vay Ngân hàng V số tiền 728.000.000đ (bảy trăm hai mươi tám triệu đồng) vào mục đích mua ô tô 08 chỗ ngồi để sử dụng bằng loại hình vay thế chấp theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 11079828 ngày 23/12/2016;

Ngày 07/8/2018 ông Trần Gia P ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử vay Ngân hàng V số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) bằng loại hình vay tín chấp;

Trong quá trình thực hiện 04 hợp đồng thì vợ chồng ông P và bà H đều vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày 05 tháng 8 năm 2020 còn nợ như sau:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 11079828 ngày 23/12/2016 số tiền còn nợ là 560.922.461đ (trong đó nợ gốc 455.000.003đ; nợ lãi 105.922.458đ).

Đối với 03 hợp đồng còn lại gồm: Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 09/12/2016 còn nợ 225.536.996đ (trong đó nợ gốc 114.129.579đ, nợ lãi 111.407.417đ); Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 21/12/2016 còn nợ 75.525.595đ, (trong đó nợ gốc 53.546.800đ, nợ lãi 21.978.795đ); Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 07/8/2018 còn nợ 137.991.240đ (trong đó nợ gốc 87.720.015đ, nợ lãi 50.271.225đ).

Từ nội dung trên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc vợ chồng ông P và bà H phải có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng V theo 4 hợp đồng là đúng pháp luật, các đương sự không kháng cáo về nội dung này.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

Để bảo đảm cho số tiền vay 728.000.000đ tại Hợp đồng tín dụng số: 11079828 ngày 23/12/2016 thì ông P và bà H đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 11079828 ngày 23/12/2016 nhãn hiệu TOYOTA; BKS 18A-081.64 thuộc quyền sở hữu chung của vợ chồng với Ngân hàng V. Trong hợp đồng thế chấp có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà bên vay nợ không thực hiện. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết có đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy

định của pháp luật, do đó hợp đồng có hiệu lực thực hiện. Do ông P bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng V đề nghị Tòa án cho phép được tự bán tài sản bảo đảm của ông P bà H hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án cưỡng chế, kê biên, phát mại các tài sản của ông P bà H để thu hồi nợ là có căn cứ. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông P bà H để thu hồi nợ là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng V. Vì vậy kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ và được chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông Trần Gia P, bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng V không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS – ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc.

Căn cứ các Điều 342, 343, 355, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với ông Trần Gia P và bà Trần Thị H.

- Buộc vợ chồng ông Trần Gia P và bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng số 11079828 ngày 23/12/2016, tiền nợ gốc 455.000.003đ, tiền nợ lãi 105.922.458đ. Tổng cộng là 560.922.461đ (Năm trăm sáu mươi triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm sáu một đồng).

- Buộc ông P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V các khoản nợ tại Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử (hợp đồng tín dụng số LD 1636302069) ngày 09/12/2016; Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử (hợp đồng tín dụng số LD 1635802782) ngày 21/12/2016; Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (tương đương hợp đồng thẻ tín dụng số 324-p-8409475) ngày 07/8/2018; Tiền nợ gốc 255.396.394đ, tiền nợ lãi 183.657.437đ. Tổng cộng là 439.053.831đ (Bốn trăm ba mươi chín triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 06 tháng 8 năm 2020, ông P và bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà vợ chồng ông P, bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Trần Gia P và bà Trần Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; BKS 18A-081.64 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 11079828 ngày 23/12/2016 giữa Ngân hàng V - Chi nhánh Nam Định với bên thế chấp là ông Trần Gia P và bà Trần Thị H. Trường hợp số tiền phát mại tài sản đảm bảo nói trên vẫn không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Trần Gia P và bà Trần Thị H tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Án phí: Căn cứ Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Trần Gia P và bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng số 11079828 ngày 23/12/2016 là 26.436.898đ (Hai mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng).

Ông Trần Gia P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về khoản nợ tại 03 hợp đồng còn lại là 21.562.153đ (Hai mươi một triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm năm mươi ba đồng).

Hoàn trả lại Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.500.000đ (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2017/0001493 ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Mỹ Lộc;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

